

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/DS -ST

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Cửu

Ông Nguyễn Đình Hùng

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Anh Tuấn – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27.3.2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/ 2018/TLST- DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS ngày 08/3/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Minh T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng, có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Trần Thị P, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng, có mặt.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Ông Nguyễn Ngọc C – Luật sư của Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 20 Nguyễn D, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện** đề ngày 19.3.2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và nguyên đơn Trần Minh T thống nhất trình bày:

Ngày 03/11/2015 bà Trần Thị P có xác nhận nợ của ông Trần Minh T số tiền 184.400.000đ. (Một trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng). Nguồn

gốc số tiền mượn này là từ việc ông T chơi biếu nộp cho bà P, sau đó bà P mất khả năng thanh toán nên bà đã viết giấy cam kết xác nhận nợ cho ông T. Bà P cam kết sẽ trả cho ông T số tiền này trong vòng 06 tháng kể từ ngày 03.11.2015, sau thời hạn trên nếu bà không trả thì bà P đồng ý trả thêm cho ông T tiền lãi chậm thực hiện việc trả tiền tính từ ngày 04.5.2016. Khi viết giấy xác nhận nợ, bà P có giao cho ông T 01 GCNQSD đất số BB339705 do UBND huyện H cấp ngày 09.7.2010 đứng tên bà Trần Thị P để làm tin. Đến nay, bà P vẫn chưa thanh toán cho ông T bất kỳ khoản tiền nào. Ông T đã nhiều lần gặp trực tiếp cũng như gọi điện yêu cầu bà P thanh toán nợ nhưng bà P không trả. Do bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị P phải trả số tiền gốc là 184.400.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu tính lãi từ ngày 04.5.2016 đến ngày 12.12.2018 là 47.942.000đ, tại phiên tòa ông T rút yêu cầu tính lãi.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 30.5.2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Trần Thị P trình bày:

Bà thừa nhận có nợ tiền ông Trần Minh T, tuy nhiên số tiền bà nợ ông T chỉ khoảng 80.000.000đ, đây là tiền chơi biếu hui ông T đóng nhiều lần và bà có giao cho ông T 01 GCNQSD đất để làm tin. Đối với bản cam kết lập ngày 03.11.2015 xác nhận nợ là do ông T tự lập, tự viết toàn bộ. Chữ ký, chữ viết tên Trần Thị P không phải do bà viết ra. Nếu ông T xác nhận số nợ 80.000.000đ, thì bà cũng đồng ý trả số tiền theo phương thức mỗi tháng trả 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Đồng thời, đề nghị ông T giao trả cho bà GCNQSD đất mà ông đã nhận của bà khi mượn tiền.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm : Bản cam kết (bản photo và bản gốc); Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy CNQSD đất (bản photo); Bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai bị đơn của Tòa án; Thủ tục yêu cầu giám định và Kết luận giám định .

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 117, 278, 280, 466 và 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Minh T và buộc bà Trần Thị P phải trả cho ông Trần Minh T số tiền 184.400.000đồng. Buộc ông Trần Minh T phải trả lại GCNQSD đất mà ông đã nhận của bà P. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi từ ngày

04.5.2016 đến ngày 12.12.2018. Án phí dân sự sơ thẩm, bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[2] Bà Trần Thị P và ông Trần Minh T có chơi biếu hụi với nhau, ngày 03/11/2015 Trần Thị P ký bản cam kết xác nhận nợ ông Trần Minh T số tiền 184.400.000đ và hẹn trả trong vòng 06 tháng kể từ ngày 03.11.2015, sau thời hạn trên nếu bà P không trả thì bà P đồng ý trả thêm cho ông T tiền lãi chậm thực hiện việc trả tiền tính từ ngày 04.5.2016, bà P giao cho ông T 01 giấy CNQSD đất số BB339705 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 09.7.2010 đứng tên bà Trần Thị P để làm tin. Đến hạn trả nợ, ông T nhiều lần yêu cầu bà P trả nợ nhưng bà P không trả. Quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa hôm nay, bà P cho rằng chữ “P” và chữ “Trần Thị P” không phải do bà ký và bà xác nhận chỉ nợ ông T khoảng 80.000.000đ. Theo bản kết luận giám định số 541/CC(Đ2) ngày 07.8.2018, cho thấy: chữ ký, chữ viết họ tên “Trần Thị P” dưới mục “Người xác nhận” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) và chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Thị P trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M4) là do cùng một người ký và viết ra. Do đó, việc bà P cho rằng chỉ nợ ông T khoảng 80.000.000đ là không có cơ sở. Xét thấy, bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc ông T khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán số tiền 184.400.000đ đồng nợ gốc là có cơ sở và đúng quy định pháp luật. HĐXX căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự buộc bà Trần Thị P phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Trần Minh T số tiền 184.400.000đ. Vì ông T không được cấp phép cầm cố hay nhận thế chấp giấy tờ, tài sản nên đối với Giấy CNQSD đất mà bà P đã đưa cho ông T để làm tin, tại phiên tòa bà P yêu cầu ông T trả lại cho bà, do đó ông T phải có nghĩa vụ giao trả cho bà P 01 giấy CNQSD đất số BB339705 do UBND huyện H cấp ngày 09.7.2010 đứng tên bà Trần Thị P.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Minh T yêu cầu bà Trần Thị P trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 04.5.2016 đến ngày 12.12.2018 là 47.942.000, tuy nhiên tại phiên tòa ông T rút yêu cầu tính lãi nên HĐXX căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị P phải chịu theo qui định của pháp luật là $184.400.000đ \times 5\% = 9.220.000đ$ (Chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng)

[5] Chi phí giám định là 5.000.000đ bà Trần Thị P phải chịu, bà P đã nộp 3.000.000đ, ông Trần Minh T đã nộp 2.000.000đ, do đó bà P phải có nghĩa vụ trả lại cho ông T số tiền 2.000.000đ.

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 161, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T đối với bà Trần Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Đình chỉ chỉ một phần yêu cầu của ông Trần Minh T về việc tính lãi suất.

Xử:

1. Buộc bà Trần Thị P phải trả cho ông Trần Minh T số tiền 184.400.000đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ông Trần Minh T có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị P 01 giấy CNQSD đất số BB339705 do UBND huyện H cấp ngày 09.7.2010 đứng tên bà Trần Thị P.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Chi phí giám định là 5.000.000đ bà Trần Thị P phải chịu, bà P đã nộp 3.000.000đ, ông Trần Minh T đã nộp 2.000.000đ, do đó bà P phải có nghĩa vụ trả lại cho ông T số tiền 2.000.000đ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị P phải chịu theo qui định của pháp luật là 9.220.000đồng (Chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Hoàn trả cho ông Trần Minh T số tiền tạm ứng án phí 5.469.000đ (Năm triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 6344 ngày 30.3.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 27.3.2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người TGT;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương